

Số: 433/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ, phạm vi lập quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi của quy hoạch: Trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d) Đối tượng quy hoạch: Các trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

2. Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm

- Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia phải được xây dựng trên các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khí tượng thủy văn, phù hợp với các yêu cầu của quy hoạch cấp quốc gia.

- Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, lâu dài; khắc phục được những tồn tại, bất cập của mạng lưới trạm quan trắc hiện có trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo tính khoa học, tiên tiến, hiệu quả, khả thi.

- Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia theo hướng hiện đại có khả năng chia sẻ, kết nối linh hoạt, tính tự động hóa cao, mật độ phân bố trạm hợp lý trên đất liền, biển, đảo, vùng trời, đặc biệt là vùng chịu tác động của các loại hình thiên tai nguy hiểm bảo đảm cung cấp thông tin, dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống cho công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và điều tra cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ứng phó biến đổi khí hậu và các yêu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

- Quy hoạch hướng tới việc phân định các loại trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia theo hệ thống trạm nền cơ bản hoạt động ổn định, lâu dài và hệ thống trạm phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội, làm nền tảng cho việc đầu tư xây dựng, phát triển theo mô hình quản lý hiện đại, phù hợp.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Xây dựng được quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia hoàn chỉnh, đồng bộ, hiện đại, khả thi theo hướng tự động hóa cao, bảo đảm: tính mở, có khả năng lồng ghép, tích hợp, kết nối, chia sẻ với các mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia và mạng lưới khí tượng thủy văn toàn cầu trên cơ sở kế thừa Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia kỳ trước.

- Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở quan điểm lập quy hoạch, mục tiêu tổng quát, thực trạng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, thực trạng phát triển khoa học công nghệ, nguồn lực đầu tư để xây dựng được các mục tiêu, định hướng cơ bản, xuyên suốt theo từng giai đoạn quy hoạch 2021 - 2025, 2026 - 2030 và tầm nhìn 2050 theo hướng sau:

+ Giai đoạn 2021 - 2025:

* Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia bảo đảm tính hiện đại, tự động, có mật độ trạm ngang bằng với các nước phát triển trong khu vực Đông Nam Á;

* Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống các trạm nền cơ bản để thu thập thông tin, dữ liệu nhằm giám sát, đánh giá điều kiện tự nhiên về khí tượng thủy văn của quốc gia, làm cơ sở kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng các trạm chuyên phục vụ dự báo, cảnh báo và các trạm chuyên dùng khác;

* Tăng dày mật độ trạm khí tượng thủy văn tự động bảo đảm các yêu cầu phục vụ dự báo số, dự báo điểm. Ưu tiên phát triển mới các trạm quan trắc khí tượng thủy văn tại các vùng có nguy cơ cao xảy ra các loại hình thiên tai nguy hiểm còn trống số liệu, vùng chịu tác động mạnh do biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

* Nâng cấp hệ thống hạ tầng thông tin và cơ sở dữ liệu hiện đại với dung lượng phù hợp bảo đảm thu nhận, lưu trữ, khai thác thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo yêu cầu đặt ra;

* Hiện đại hóa hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn và phân tích thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của mạng lưới quan trắc.

+ Giai đoạn 2026 - 2030:

* Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia bảo đảm tính hiện đại, tự động, có mật độ trạm ngang bằng với các nước phát triển trong khu vực Châu Á;

* Tiếp tục tăng dày mật độ trạm khí tượng thủy văn tự động, ưu tiên phát triển các trạm quan trắc khí tượng thủy văn trên biển, đảo, quần đảo, vùng trời phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và phát triển kinh tế biển.

+ Tầm nhìn đến năm 2050:

Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia bảo đảm tính hiện đại, tự động, có mật độ trạm ngang bằng với các nước phát triển trên thế giới.

c) Nguyên tắc lập quy hoạch

Việc lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia phải đảm bảo tuân thủ các quan điểm lập quy hoạch, Luật Quy hoạch, Luật Khí tượng thủy văn, Luật sửa đổi, bổ sung 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đáp ứng yêu cầu chia sẻ dữ liệu giữa các mạng lưới quan trắc, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm ngân sách nhà nước;

- Việc xác định mật độ trạm khí tượng thủy văn quốc gia phải bảo đảm cơ sở khoa học, phản ánh được diễn biến theo không gian, thời gian của yếu tố khí tượng thủy văn, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật chuyên ngành khí tượng thủy văn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, nền tảng khoa học công nghệ và nguồn lực đầu tư để thực hiện quy hoạch;

- Phát triển công nghệ quan trắc hiện đại, đặc biệt là công nghệ đo không tiếp xúc, công nghệ vệ tinh, viễn thám; hạn chế tối đa các phương tiện đo thủ công và bán tự động;

- Bảo đảm phân kỳ đầu tư phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, trong đó ưu tiên hiện đại hóa hệ thống cơ sở dữ liệu lớn (Bigdata) để tích hợp, tiếp nhận, xử lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, các dự án quan trọng quốc gia và các dự án thuộc vùng dễ bị tổn thương; các trạm thuộc vùng có nguy cơ cao xảy ra các loại hình thiên tai nguy hiểm, vùng chịu tác động mạnh do biến đổi khí hậu, nước biển dâng, vùng có mật độ trạm còn thưa, vùng trống số liệu, đặc biệt là các vùng biển, đảo.

3. Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch

Việc lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia phải đáp ứng các nội dung cơ bản sau đây:

a) Các nội dung chính lập quy hoạch

- Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu, bản đồ:

- + Thu thập thông tin, dữ liệu, tài liệu, bản đồ về: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng hoạt động khí tượng thủy văn, tài nguyên môi trường biển; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của các bộ, ngành, địa phương có liên quan; nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

của các ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, cá nhân và các hoạt động phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia;

+ Khảo sát thực địa: Khảo sát các khu vực dự kiến đặt trạm khí tượng thủy văn, gồm các trạm theo quy hoạch kỳ trước chưa thực hiện; các trạm bị ảnh hưởng hành lang kỹ thuật để điều chỉnh cho phù hợp; các trạm dự kiến sẽ bổ sung vào quy hoạch kỳ này và đo đạc, xác định thông số kỹ thuật phục vụ đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện hoạt động của trạm phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ theo tiêu chí cụ thể đối với từng loại trạm: khí tượng bề mặt, khí tượng toàn cầu, giám sát biến đổi khí hậu, khí tượng nông nghiệp, khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, thủy văn, hải văn, ra đa biển, phao, đo mưa, định vị sét, đo mặn, trạm khí tượng thủy văn di động và các trạm chuyên đề khác;

+ Tổng hợp xử lý thông tin, dữ liệu;

+ Lập báo cáo kết quả điều tra khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu.

- Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia:

+ Phân tích, đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường; hiện trạng hoạt động khí tượng thủy văn; hiện trạng và tác động của việc vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn do đô thị hóa, quy hoạch xây dựng các công trình thủy điện và đề xuất giải pháp quy hoạch phù hợp;

+ Đánh giá việc thực hiện quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia kỳ trước; hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;

+ Đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn và theo dõi, giám sát thiên tai khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu phục vụ phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

+ Đánh giá biến động theo không gian, thời gian quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn;

+ Xác định nhu cầu thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia;

+ Đánh giá tác động của phát triển khoa học và công nghệ.

- Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch.

Trên cơ sở xu thế biến đổi khí hậu, các kịch bản biến đổi khí hậu và dự báo phát triển kinh tế - xã hội để phân tích, đánh giá, dự báo các tác động ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

- Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia:

+ Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trong nước với khu vực và thế giới;

+ Phân tích, đánh giá, làm rõ mối liên kết giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ.

- Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, những cơ hội và thách thức trong việc phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn:

+ Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn về quy mô, công nghệ, kỹ thuật dự báo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; kỹ thuật xây dựng các kịch bản biến đổi khí hậu và cung cấp các dịch vụ khí hậu;

+ Phân tích, đánh giá tiềm năng, lợi thế, cơ hội, thách thức phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch.

- Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển ngành khí tượng thủy văn quốc gia trên phạm vi cả nước, các vùng lãnh thổ và thông tin, dữ liệu quốc gia từ các khu vực có liên quan.

- Phương án phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia:

+ Xác định mật độ, số lượng, vị trí, danh sách trạm, nội dung quan trắc của từng loại trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ:

* Nghiên cứu đề xuất phân loại trạm khí tượng thủy văn cho phù hợp với khuyến cáo của Tổ chức Khí tượng Thế giới và quy định của Luật Khí tượng thủy văn làm cơ sở để xây dựng quy hoạch;

* Xác định chỉ tiêu phân bố các loại trạm hiện có và quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp với nhu cầu phục vụ dự báo, cảnh báo và điều kiện nguồn lực đầu tư trong từng giai đoạn trên cơ sở so sánh với một số nước trong khu vực và trên thế giới;

* Nghiên cứu xác định các trạm khí tượng thủy văn cho các khu vực: Vùng thường xuyên có nguy cơ xảy ra mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, nước dâng, triều cường; khu vực ven biển, bờ biển, vùng thềm lục địa, các đảo và hải đảo; khu vực biên giới và xuyên biên giới; vùng khí hậu, vùng sinh thái và các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia. Ưu tiên phát triển các trạm khí tượng thủy văn có nhiều yếu tố quan trắc, trạm giám sát biến đổi khí hậu, các trạm lồng ghép quan trắc tài nguyên môi trường;

* Nghiên cứu đánh giá, xác định số lượng trạm khí tượng thủy văn cơ bản cần thiết, các trạm giám sát để phản ánh được các đặc trưng của 07 vùng khí hậu; các lưu vực sông, vùng biển; đề xuất điều chỉnh, giảm các trạm khí tượng thủy văn có người và xây dựng, phát triển mạng lưới trạm theo hướng hiện đại, tự động;

* Xác định cụ thể từng trạm khí tượng thủy văn quốc gia theo các loại hình: Trạm cơ bản để quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản (có người, tự động) và được đầu tư xây dựng bằng nguồn ngân sách nhà nước; Trạm chuyên phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (tự động hoàn toàn) và được đầu tư xây dựng bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn tài chính huy động hợp pháp khác;

* Nghiên cứu lồng ghép tối đa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia với mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên và môi trường và mạng lưới quan trắc khác có liên quan trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới và hạ tầng sẵn có.

* Xây dựng quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia với các mạng lưới trạm thành phần gồm:

Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng bề mặt: Bao gồm các trạm cơ bản quan trắc toàn diện các yếu tố (trạm có người, tự động); các trạm tự động quan trắc một số yếu tố cần thiết để phục vụ dự báo, cảnh báo.

Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng nông nghiệp: Không quy hoạch bổ sung các trạm khí tượng nông nghiệp. Với các trạm khí tượng nông nghiệp hiện có rà soát quy hoạch trạm như đối với trạm khí tượng bề mặt; định hướng các yếu tố quan trắc khí tượng nông nghiệp phù hợp với nhu cầu và điều kiện cụ thể của địa phương nhằm hướng tới xã hội hóa công tác quan trắc khí tượng nông nghiệp tại các trạm.

Quy hoạch mạng lưới trạm đo mưa.

Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng trên cao: Trạm thám không vô tuyến; trạm đo gió trên cao (pilot); trạm đo gió cắt lớp.

Quy hoạch mạng lưới trạm ra đa thời tiết.

Quy hoạch mạng lưới trạm định vị sét.

Quy hoạch mạng lưới trạm thủy văn: Bao gồm các trạm cơ bản quan trắc toàn diện các yếu tố (trạm có người, tự động); các trạm tự động quan trắc một số yếu tố cần thiết để phục vụ dự báo, cảnh báo.

Quy hoạch mạng lưới trạm hải văn: Bao gồm các trạm cơ bản quan trắc toàn diện các yếu tố (trạm có người, tự động); các trạm tự động quan trắc một số yếu tố cần thiết để phục vụ dự báo, cảnh báo.

Quy hoạch mạng lưới trạm giám sát biến đổi khí hậu: Trạm khí tượng tham chiếu; trạm giám sát biến đổi khí hậu; trạm thủy văn tham chiếu; trạm hải văn tham chiếu.

Quy hoạch mạng lưới trạm chuyên đề: Trạm bức xạ; trạm ô dôn - bức xạ cực tím; trạm thu ảnh vệ tinh khí tượng.

Quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc môi trường không khí và nước (sông, hồ, biển); trạm tài nguyên nước, trạm định vị vệ tinh, trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường được lồng ghép tại các trạm khí tượng thủy văn.

Quy hoạch mạng lưới điểm đo mặn.

Quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc khí tượng toàn cầu.

Quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc ra đa biển lồng ghép tại các trạm khí tượng thủy văn, quy hoạch trạm phao.

Quy hoạch các loại hình quan trắc mới: Tia cực tím UV phục vụ cho đánh giá tác động đến sức khỏe con người; thành phần không khí để theo dõi, giám sát bảo vệ tầng ô-dôn; camera thông minh; quan trắc sai lư đất; trạm quan trắc khí tượng thủy văn di động; mạng lưới khảo sát khí tượng thủy văn; trạm quan trắc trên các phương tiện di động như tàu bay, tàu biển, vệ tinh, viễn thám, thiết bị không người lái; trạm tổng hợp các loại hình quan trắc khí tượng thủy văn; trí tuệ nhân tạo.

+ Lập bản đồ quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia:

* Bản đồ in tỷ lệ 1:4.000.000

Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia với khu vực và quốc tế.

* Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:250.000:

Bản đồ hiện trạng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia;

Bản đồ định hướng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia;

Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành khí tượng thủy văn.

* Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:5.000 - 1:100.000:

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia;

Bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và các hoạt động quan trắc liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia.

- Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện:

+ Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;

+ Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành khí tượng thủy văn; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.

- Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:

+ Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư;

+ Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo thực hiện quy hoạch;

+ Giải pháp về khoa học và công nghệ;

+ Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;

+ Giải pháp về hợp tác quốc tế;

+ Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Xây dựng báo cáo quy hoạch (Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt), bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu về quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia (bao gồm các trạm lồng ghép).

- Hội thảo, lấy ý kiến về nội dung quy hoạch.

- Xây dựng hồ sơ quy hoạch trình thẩm định.

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch

Các phương pháp chủ yếu lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia để đáp ứng yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy và yêu cầu về tiến độ lập quy hoạch, gồm:

- Phương pháp điều tra, khảo sát và thu thập thông tin, tài liệu;

- Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu, bản đồ;
- Phương pháp dự báo;
- Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- Phương pháp kế thừa, điều chỉnh, chọn lọc, kinh nghiệm trong nước và quốc tế;
- Phương pháp toán thống kê;
- Phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo và tham vấn cộng đồng;
- Các phương pháp khác: Phân tích hệ thống, so sánh tương quan, thực nghiệm và các phương pháp phân tích chuyên ngành cũng được sử dụng trong quá trình lập quy hoạch các trạm khí tượng thủy văn.

4. Thời hạn lập quy hoạch

Thời gian lập quy hoạch không quá 24 tháng, tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

5. Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần hồ sơ quy hoạch

- Tờ trình và Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.
 - Báo cáo quy hoạch: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt;
 - Báo cáo điều tra, khảo sát;
 - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước;
 - Các báo cáo đề xuất để tích hợp, lồng ghép vào quy hoạch (nếu có);
 - Bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu về quy hoạch;
 - Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch gửi kèm theo;
 - Báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có);
 - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
 - Bản đồ tỷ lệ: 1:4.000.000 về hiện trạng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia với khu vực, quốc tế; từ 1:25.000 đến 1:250.000 về hiện trạng, định hướng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành khí tượng thủy văn; từ 1:5.000 đến 1:100.000 về hiện trạng sử dụng đất các khu

vực trọng điểm của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

b) Số lượng: 05 bộ bản in và đĩa CD lưu toàn bộ nội dung lập quy hoạch.

c) Tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch:

- Phần hồ sơ văn bản: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt quy hoạch; Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; các báo cáo thuyết minh chuyên đề được đóng thành quyển bìa cứng, nội dung đánh máy khổ A4, font Times new roman, cỡ chữ 13-14, căn lề và quy cách khác theo quy định của pháp luật;

- Các bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch được in màu, tỷ lệ bản đồ được thực hiện theo quy định: 1:4.000.000; từ 1:25.000 đến 1:250.000 và từ 1:5.000 đến 1:100.000;

- Dữ liệu của Quy hoạch: Dạng file scan, dạng bản giấy.

6. Kinh phí thực hiện lập quy hoạch

a) Chi phí lập Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công của Bộ Tài nguyên và Môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định khác có liên quan.

b) Căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, định mức cho hoạt động quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập Quy hoạch theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức cho hoạt động quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Phê duyệt nội dung, dự toán chi tiết của Nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và tổ chức lựa chọn đơn vị lập quy hoạch theo đúng quy định hiện hành;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan triển khai lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

2. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Quốc phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, PL, KTTH, CN, QHĐP, NC;
- Lưu: VT, NN (2) Tuynh.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng